TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HƯNG YÊN** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 23/2023/QĐST - HNGĐ	*Hưng Yên, ngày 27 tháng 9 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNHCÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔNVÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HƯNG YÊN, TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ khoản 2 Điều 396; khoản 4 Điều 397; khoản 2 Điều 149; Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 116, 118, 119, 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý 110/2023/TLST - HNGĐ ngày 05/9/2023, về việc *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con"*, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- ***Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:***

+ Anh An Bình S, sinh năm 1990

+ Chị Lương Thị Kim D, sinh năm 1991

Cùng nơi cư trú: Đội 2, thôn Đ, xã T, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Cháu An Hà C, sinh ngày 10/5/2016

Nơi cư trú: Đội 2, thôn Đ, xã T, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện hợp pháp cho cháu C là anh S và chị D là bố, mẹ đẻ của các cháu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh S và chị D được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân xã T, thành phố H, tỉnh Hưng Yên ngày 29/9/2015 được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 60 ngày 29/9/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng anh S, chị D được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới hỏi và về chung sống tại nhà anh S tại Đ, thôn Đ, xã T, thành phố H, tỉnh Hưng Yên. Từ khi cưới vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì bắt đầu xảy ra nhiều mâu thuẫn. Mâu thuẫn của anh chị do quan niệm và cách nhìn nhận cuộc sống không phù hợp, vợ chồng có xảy ra cãi nhau, gia đình hai bên đều biết về mâu thuẫn của vợ chồng anh chị. Năm 2018 anh S, chị D ra ở riêng, không còn sống chung với gia đình từ đó cuộc sống anh chị cũng bắt đầu phát sinh nhiều mâu

thuẫn, đỉnh điểm đến năm 2021 vợ chồng anh chị đã sống ly thân với nhau. Anh Sơn sống ở nhà bố mẹ tại Đ, thôn Đ, xã T, thành phố H, tỉnh Hưng Yên còn chị D về sống tại nhà bố mẹ đẻ tại thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh Hưng Yên. Từ khi ly thân anh chị độc lập về kinh tế, ít khi hỏi han nhau, tình cảm vợ chồng không còn. Mâu thuẫn của anh chị hai bên gia đình đều biết và có khuyên nhủ anh chị về chung sống nhưng anh chị vẫn quyết tâm ly hôn. Đến nay anh S, chị D cùng xác định không còn tình cảm với nhau nên đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho anh chị để cả hai sớm ổn định cuộc sống.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh S và chị D đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai bên đều yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Yêu cầu này của anh S và chị D là chính đáng, có căn cứ và phù hợp Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa anh S và chị D.

[2] Về con chung: Anh S và chị D thống nhất vợ chồng có 01 con chung là cháu An Hà C, sinh ngày 10/5/2016. Khi vợ chồng ly hôn anh, chị thỏa thuận anh S là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con chung là cháu An Hà C, sinh ngày 10/5/2016 cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi. Anh chị thống nhất chị D không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị D được quyền đi lại và thăm nom con chung không ai được ngăn cản. Xét đây là sự tự nguyện của anh S và chị D nên được chấp nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh S và chị D đều khẳng định không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

[4] Về lệ phí: Anh S và chị D thỏa thuận anh S nộp cả 300.000 đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nên cần chấp nhận sự tự nguyện này.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, như sau:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh An Bình S và chị Lương Thị Kim D.

1.2 Về con chung: Giao cháu An Hà C, sinh ngày 10/5/2016 cho anh An Bình S trực tiếp chăm sóc giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị D không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị D được quyền đi lại và thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

Vì quyền lợi của con chung, chị D có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung; Yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung; Yêu cầu hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau khi ly hôn.

1.3 Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Anh An Bình S tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm ly hôn số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án

phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0001546 ngày 05/9/2023 là 300.000 đồng của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên. Anh S đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm ly hôn.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Viện KSND thành phố Hưng Yên;
- Chi cục THA dân sự thành phố Hưng Yên;
- UBND xã Trung Nghĩa, TP Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên (ĐKKH số 60, Quyển số 01/2015, ngày 29/9/2015);
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Đăng Khuê